

Bản án số: 18 /2021/HS-ST

Ngày 20/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến.

Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bàn Thị Ba;

Bà Trần Thị Vy;

Ông Chu Minh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 04/02/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HS ngày 05/4/2021 đối với bị cáo:

Hoàng Sĩ B sinh ngày 28/12/1986 tại huyện Đ, tỉnh H; nơi ĐKKHKT: Thôn T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh H; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Quốc C, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Lương Thị C, sinh năm 1957; có vợ: Vũ Thị T sinh năm 1983, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 09/HSST ngày 27/3/2009 của TAND thị xã Hà Giang, xử phạt bị cáo B 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội trộm cắp tài sản; bị cáo bị bắt ngày 07/10/2020 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Cao Xuân Bé - Luật sư thực hiện trợ giúp Pháp lý của Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

Bị hại: Anh Ngô Văn N sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H; có mặt

Người làm chứng:

1, Ông Vũ Dũng P: **có mặt;**

- 2, Ngô Văn C: có mặt;
- 3, Khổng Văn T: có mặt;
- 4, Lục Văn Y: có mặt;
- 5, Chu Văn Q: có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ xã hội, Hoàng Sỹ B là cán bộ y tế học đường trường tiểu học xã L, huyện Đ biết anh Ngô Văn N đang có nhu cầu mua đất làm nhà ở thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H. Khoảng 08 giờ ngày 15/5/2020, B sử dụng số điện thoại 0981313887 gọi vào số điện thoại 0977109113 của anh N, B nói với anh N là có 01 mảnh đất thổ cư, chiều rộng 06m, chiều sâu 20m, tổng diện tích 120m² ở tại thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H, muốn bán với giá 800.000.000đ, B hỏi anh N nếu mua thì B sẽ bán cho. N nói với B là đất ở khu vực đó giá như vậy thì cao quá, nếu giảm xuống 600.000.000đ thì sẽ mua. B đồng ý bán cho N với giá 600.000.000đ, nhưng với điều kiện N phải chuyển trước cho B số tiền 500.000.000đ, để B lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp ở Ngân hàng ra (*không nói rõ ở Ngân hàng nào*), sau khi B làm thủ tục chuyển nhượng xong, anh N phải chuyển nốt số tiền 100.000.000đ còn lại cho B. N đồng ý mua mảnh đất đó và đến khoảng 11 giờ ngày 15/5/2020 N ra ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Giang, phòng giao dịch huyện Y (BIDV) chuyển khoản số tiền 500.000.000đ vào số tài khoản 8204205016797 của B mở tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Giang (Agribank), chi nhánh huyện Y.

Sau khi nhận được 500.000.000đ của N chuyển cho, cùng ngày B rút 25.000.000đ tại cây ATM tại huyện Y và đến cửa hàng vàng bạc G, thuộc tổ 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H, thực hiện ứng dụng giao dịch chuyển khoản B điện thoại vào số tài khoản 8204215006489 của chị G hai lần, lần 1 chuyển 50.000.000đ, lần thứ 2 chuyển 25.000.000đ, tổng cả hai lần chuyển là 75.000.000đ, để lấy tiền mặt 75.000.000đ từ chị G, mang về trả cho anh G, sinh năm 1981, trú tại thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh H số tiền 100.000.000đ tại nhà B. Sau đó B gọi điện thoại cho chị Cháng Thị D, sinh năm 1978, trú tại tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, Hà Giang để trả chị D số tiền 400.000.000đ, chị D yêu cầu B chuyển tiền vào số tài khoản 100006892710 mở tại Ngân hàng Công thương Hà Giang của anh Cháng Văn T là em trai của chị Cháng Thị D. B đã chuyển số tiền 395.000.000đ vào tài khoản của anh T nhưng do B viết tên anh T là C, sai tên khách hàng thụ hưởng nên không chuyển được số tiền 395.000.000đ vào tài khoản của anh T. Thấy trong tài khoản anh T không nhận được tiền, chị D gọi điện hỏi B lý do gì không chuyển tiền như đã hứa, B trả lời là không chuyển được, không biết lý do tại sao. Ngày 18/5/2020 chị D đến Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Y mở tài khoản và yêu cầu B chuyển tiền vào số tài khoản 8204205055905 của chị D và B đã chuyển 395.000.000đ, trả cho chị D, số tiền còn lại 5.000.000đ, B trả trực tiếp cho chị D nhưng không nhớ ngày, tháng cụ thể.

Theo thỏa thuận anh N không thấy B làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho, anh N đã điện thoại hỏi B nhiều lần nhưng B lấy lý do chưa làm xong thủ tục, khát hết lần này đến lần khác mà không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã hứa, thấy vậy anh N nói không mua nữa và yêu cầu B trả lại tiền nhưng B không có tiền để trả, do đó đến khoảng cuối tháng 6 năm 2020 anh N đã yêu cầu B đến nhà và viết giấy vay tiền cho vợ chồng B ký nhận, mục đích lấy cơ sở đòi tiền. Đến khoảng đầu tháng 7/2020, B thông tin với anh N là còn mua đất nữa không, đất ở thôn Thành Minh, thị trấn Y, huyện Y, của ông Vũ Dũng P, sinh năm 1973, trú tại thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H với giá 600.000.000đ, vì anh N quen biết ông P và biết ông P có mảnh đất ở đó nghĩ là B đã mua và bán lại nên đồng ý mua, anh N có hỏi B là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đâu thì B nói là đang ở tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Giang, chi nhánh huyện Y (*văn phòng đăng ký đất đai*) để đăng ký biến động vào ngày 08/7/2020 và hẹn hôm sau cùng anh N đến Văn phòng đăng ký đất đai để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 09/7/2020, anh N và B đến Văn phòng đăng ký đất đai để lấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm thủ tục chuyển nhượng, tại đây anh N đã nhờ anh Nguyễn Toàn T, phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thảo giúp bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Vũ Dũng P và bà Giàng Thị D (*vợ ông P*) sang cho vợ chồng anh Ngô Văn N, anh N đã mượn tại Văn phòng đăng ký đất đai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh P mang đi phô tô và hẹn B ngày hôm sau B đưa ông P cùng đi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng B không đến. Vào ngày 10/7/2020 vợ chồng anh P đến mảnh đất ở tại thôn T để cắt dây khoai lang về cho lợn, ông Ngô Văn C, sinh năm 1966, trú tại tổ 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H, là bố đẻ của anh N đến nói với ông P là mảnh đất ông P đang cắt dây khoai lang B đã bán cho anh N, thấy vậy ông P nói mảnh đất này ông chỉ cho B thuê làm cửa hàng bán xe đạp điện chứ không bán, thấy vậy ông C và N đến nhà ông **P đồng thời gọi B đến để làm rõ lý do. Tại nhà**, ông P yêu cầu B viết 01 giấy biên nhận về việc ngày 08/7/2020 B nhận của ông P 01 giấy CNQSDĐ của ông P đi làm thủ tục đăng ký biến động tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y, còn anh N hẹn B buổi chiều cùng ngày đến nhà anh N để làm rõ sự việc và yêu cầu B trả lại tiền, B không có tiền trả nên anh N đã thảo 01 giấy bán đất và yêu cầu B ký, mục đích là tạo sức ép để B trả lại số tiền đã chuyển cho B để mua đất. Tại thời điểm này anh N đòi B trả tiền mua đất, ông P đòi B lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó ngày 05 tháng 8 năm 2020, B đến Văn phòng đăng ký đất đai đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Dũng P và Giàng Thị D, do B mang đến đăng ký biến động vào ngày 08/7/2020 và theo giấy hẹn lấy kết quả vào ngày 16/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai yêu cầu anh N trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Dũng P và Giàng Thị D (*do anh N mượn đi phô tô vào ngày 09/7/2020*), Văn phòng đăng ký đất đai đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P. Anh N tiếp tục đòi B lấy lại tiền nhưng B không có tiền để trả, mà tiếp tục khát nợ, vì vậy ngày 20/8/2020 anh N đã đến Công an huyện Y tố giác Hoàng Sỹ B có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 500.000.000đ.

Cáo trạng số 01/CT-VKS-P1 ngày 04/2/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Hoàng Sĩ B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phân tích đánh giá chứng cứ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Sĩ B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Sĩ B **từ 8 đến 9 năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Hoàng Sĩ B phải bồi thường số tiền còn lại cho anh Ngô Văn N, trú tại: Tổ 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H là 300.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo trình bày: Viện kiểm sát truy tố bị cáo đúng người đúng tội, bị cáo nhất trí với ý kiến kết luận của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Hoàng Sĩ B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục một phần số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại là 200.000.000đ; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; ông nội bị cáo là người có công với cách mạng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 7 đến 8 năm tù. **Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa, bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho bị hại số tiền là 300.000.000đ. Về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc, sống ở vùng cao, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được hưởng trợ giúp pháp lý.**

Bị hại trình bày: Nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị bị cáo phải hoàn trả số tiền còn lại là 300.000.000đ và ấn định rõ thời gian trả.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự thủ tục, không có khiếu nại, tố cáo và điều hợp pháp.

[2]. Tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình truy tố và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Sĩ B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát tỉnh Hà Giang đã nêu. Thông qua mối quan hệ xã hội biết được anh Ngô Văn N có nhu cầu mua đất, nên bị cáo chủ động gọi điện thoại cho anh N và nói bị cáo có 01 mảnh đất thổ cư muốn bán với giá 800.000.000đ và hỏi anh N có mua không. Sau khi hai bên nói chuyện trao đổi anh N nói giá 800.000.000đ là đất quá, nên bị cáo giảm giá xuống với giá còn 600.000.000đ, nhưng với điều kiện phải chuyển tiền trước cho bị cáo số tiền 500.000.000đ, anh N đồng ý mua và đã chuyển tiền theo như yêu cầu của bị cáo. Sau khi nhận được số tiền của anh N chuyển cho bị cáo. Bị cáo không thực hiện như đã cam kết, mà bị cáo dùng số tiền trên trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Sau một thời gian anh N không thấy bị cáo thực hiện việc chuyển nhượng đất như thỏa thuận, nên anh N đã gọi điện thoại hỏi bị cáo nhiều lần nhưng bị cáo nại ra nhiều lý do chưa làm được thủ tục. **Đến khoảng cuối tháng 6 năm 2020 anh N yêu cầu bị cáo đến nhà viết giấy vay tiền cho vợ chồng B ký nhận, mục đích lấy cơ sở đòi tiền.** Sau đó anh N tiếp tục yêu cầu bị cáo trả lại tiền nhưng bị cáo không có tiền để trả, mà tiếp tục khát nợ. Vì vậy ngày 20/8/2020 anh N đã đến Công an huyện Y tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, và được chứng minh qua Đơn tố cáo (bút lục 01); Kết luận giám định (bút lục 127); bản dịch nội dung cần giám định (bút lục 120,121)...

[3]. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Sĩ B cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 500.000.000đ, hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, **có khung hình phạt tù từ 12 đến 20 năm hoặc chung thân.**

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo và hậu quả do bị cáo đã gây ra: Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Sĩ B là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đó là sau khi biết được thông tin bị hại có nhu cầu tìm mua đất, bị cáo đã đưa ra những thông tin không đúng sự thật nhằm để bị hại tin tưởng đó là sự thật nên đã chuyển tiền cho bị cáo. Sau khi chiếm đoạt được tiền, bị cáo đã sử dụng hết vào mục cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý B biện pháp hình sự với mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Mặt khác bị cáo là người có nhân thân xấu, tại bản án số 09/HSST ngày 27/3/2009 của TAND thị xã Hà Giang xử phạt bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã

chấp hành xong hình phạt chính và khoản tiền án phí. Lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân mà tiếp tục vi phạm pháp luật.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục hậu quả số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại là 200.000.000đ; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; ông nội bị cáo là người có công với cách mạng, nên cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. *Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng* để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[7]. Về phần bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã chiếm đoạt tổng số tiền là 500.000.000 đồng, ngày 08/4/2021 anh Hoàng Sĩ C (em ruột bị cáo) và chị Vũ Thị T (vợ bị cáo) đã bồi thường thay cho bị cáo 200.000.000 đồng. *Tại phiên tòa bị cáo và bị hại thỏa thuận bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 300.000.000 đồng.* Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[8]. Về vật chứng: Quá trình điều tra đã tạm giữ của bị cáo 01 điện thoại di động (iphone5s), màu vàng, màn hình cảm ứng, khe lắp sim có lắp 01 thẻ sim 4G Viettel. Xét thấy vật chứng nêu trên có liên quan đến hành vi phạm tội, cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách Nhà Nước.

[9] Về án phí: Tại phiên tòa bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đều xin miễn án phí, xét thấy bị cáo là cán bộ có thu nhập ổn định nên không có căn cứ để chấp nhận, do đó căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Sĩ B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Sĩ B 9 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại. Bị cáo

Hoàng Sĩ B có trách nhiệm bồi thường tiếp số tiền còn lại cho anh Ngô Văn N, trú tại: Tổ 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà Nước: 01 phong bì niêm phong, mặt trước có ghi chữ Bộ Công an, Viện khoa học hình sự, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia (bên trong gói niêm phong là 01 điện thoại di động iphone5s, màu vàng).

(Tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/01/2020 giữa Cơ quan điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc

bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 15.000.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án..

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- PC01;PC03;PV06 Công an tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Cục thi hành án tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Tiến